

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-03-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Khánh Hòa

Ông Hoàng Ngọc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Bàn Văn L**, sinh năm 1992. Có mặt.

- Bị đơn: Chị **Bàn Thị C**, sinh năm 1990. Vắng mặt không có lý do.

Cùng có địa chỉ: **Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2023, nộp trực tiếp cùng ngày, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh **Bàn Văn L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Bàn Thị C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu yêu đương, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn** vào ngày 15/5/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2016. Nguyên nhân là do chị **C** không tập trung làm ăn, có dấu hiệu nghiện rượu,

ngoại tình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ. Những mâu thuẫn này đã được gia đình, tổ hòa giải của thôn đến để hòa giải nhiều lần. Tuy nhiên sau đó, mâu thuẫn lại tiếp diễn và ngày càng trầm trọng. Đến năm 2022, chị C bỏ đi khỏi nhà, mặc dù vợ chồng vẫn liên lạc qua điện thoại nhưng chị C vẫn không về. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị C nữa, anh kiên quyết xin được ly hôn với chị Bàn Thị C.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 03 con chung tên Bàn Thị D, sinh ngày 29/6/2012, Bàn Thị D1, sinh ngày 01/7/2014 và Bàn Văn Sơn T, sinh ngày 25/4/2016. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cả ba cháu đang sống cùng anh L và bố mẹ đẻ của anh tại thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ly hôn, anh có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi cả 3 cháu. Anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do chị C không có mặt tại địa phương nơi cư trú, có thái độ không hợp tác trong thời điểm giải quyết vụ án, nên Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng có liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 23/11/2023 đối với bà Đặng Thị T1 và ông Bàn Văn T2 - Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (là bố mẹ đẻ của anh L) xác nhận: Sau khi kết hôn, anh L, chị C sống chung nhà với ông bà. Quá trình chung sống, vợ chồng anh L, chị C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi, đánh nhau. Chị C thường xuyên uống rượu, say rượu, khi say thì chửi, đập phá đồ đạc trong gia đình, có những hành vi mất kiểm soát. Những hành vi này ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Gia đình cũng đã rất nhiều lần mời tổ hòa giải thôn đến để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, mong vợ chồng hóa giải mâu thuẫn, cùng chung sống hạnh phúc nuôi dạy các con. Tuy nhiên, những mâu thuẫn này vẫn tiếp diễn và ngày càng trầm trọng. Đến năm 2022, chị C bỏ đi khỏi nhà, chỉ thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại với ông bà, có lần đã chửi bới, xúc phạm ông bà. Ông bà có thông báo với chị C là anh L đã làm đơn ly hôn và mong chị C về giải quyết việc ly hôn nhưng chị C không về.

Chính quyền thôn K, xã C xác nhận trong quá trình vợ chồng chung sống tại thôn K, vợ chồng giữa anh L, chị C có xảy ra mâu thuẫn nhiều lần, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên ghen tuông nhau vô cớ, chị C thường xuyên uống rượu, có đập phá đồ đạc trong gia đình. Tổ hòa giải thôn đã đến nhà hòa giải rất nhiều lần nhưng sau đó mâu thuẫn vẫn tiếp tục diễn ra. Đến năm 2022, chị C bỏ đi khỏi nhà, không quay trở về địa phương.

Ngày 20/02/2024, Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần 2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*** Về việc tuân theo pháp luật TTDS:**

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với người làm chứng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 78 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung vụ án:** Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh **Bàn Văn L** về việc ly hôn với chị **Bàn Thị C**.

- Về con chung: Giao 03 con chung là **Bàn Thị D**, **Bàn Thị D1**, **Bàn Văn Sơn T** cho anh **Bàn Văn L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cả 03 cháu đủ 18 tuổi. Chị **C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

- Về tài chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh **L** khởi kiện chị **C** yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 20/02/2024 và ngày 12/3/2024 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **L** và chị **C** chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **N**, tỉnh **Bắc Kạn** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2012, quyền số 05 ngày 15/5/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh **L** cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn từ khoảng năm 2016. Nguyên nhân là do chị **C** thường xuyên uống rượu, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không tập trung làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền thôn hòa giải rất nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến tháng 12 năm 2022 chị **C** bỏ đi khỏi nhà. Vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị **C** nữa, anh kiên quyết xin được ly hôn với chị **Bàn Thị C**.

Anh **L** xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị **C** đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt; không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Bên cạnh đó, hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án, mâu thuẫn đã được chính quyền thôn hòa giải nhiều lần nhưng sự việc vẫn tiếp diễn, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người làm chứng. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh **L** và chị **C** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh **L** yêu cầu được ly hôn với chị **C** là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên **Bàn Thị D**, sinh ngày 29/6/2012, **Bàn Thị D1**, sinh ngày 01/7/2014 và **Bàn Văn Sơn T**, sinh ngày 25/4/2016. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cả 03 cháu đều sống cùng anh **L** và bố mẹ anh **L**. Qua xác minh tại địa phương, Anh **L** và bố mẹ anh **L** đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 cháu. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cả 03 cháu. Hơn nữa, từ khi chị **C** bỏ đi, không quan tâm đến các con, các cháu đã sống cùng anh **L**, vẫn được đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập tốt. Xác minh tại **Trường P** nơi cả 3 cháu đang học tập, xác định toàn bộ các chi phí học tập của các cháu tại trường đều do anh **L** nộp. Việc phối hợp quản lý, giáo dục cả 3 cháu cũng do anh **L** và mẹ anh **L** đảm nhiệm. Anh **L** có chỗ ở ổn định, có công việc làm nông nghiệp, chăn nuôi, làm thuê, có thu nhập tương đối ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả 03 cháu cho anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **L** không yêu cầu chị **C** cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Bàn Văn L** là người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Bàn Văn L** đối với chị **Bàn Thị C** về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bàn Văn L** được ly hôn với chị **Bàn Thị C**.

1.2. Về con chung: Giao 03 cháu **Bàn Thị D**, sinh ngày 29/6/2012, **Bàn Thị D1**, sinh ngày 01/7/2014 và **Bàn Văn Sơn T**, sinh ngày 25/4/2016 cho anh **Bàn Văn L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Bàn Văn L** được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;

- UBND xã Cốc Đán;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Út Lệ